TÒA ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 06-4-2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Văn Tuyển.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bình; ông Nguyễn Văn Quản.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 06/4/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2018/TLST - HNGĐ ngày 12/12/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/3/2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trịnh Văn Q - Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Th, huyện N, tỉnh H - Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị M - Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Xóm 6, xã Th, huyện N, tỉnh H - Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trịnh Văn Q trình bày:

Vê hôn nhân: Anh và chị Lê Thị M kết hôn vào ngày 26/3/2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Th, tỉnh H. Sau ngày kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc không được bao lâu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng và ngày càng nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không được. Nay anh thấy tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, anh yêu cầu được ly hôn chị M.

Về con: Vợ chồng anh có 01 con chung là Trịnh Thùy L - Sinh ngày 28/3/2014, anh yêu cầu để chị M trực tiếp nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh Q rút yêu cầu không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con.

Về tài sản: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, chị M đã biết được anh Q khởi kiện xin ly hôn chị ra Tòa án nhưng chị vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình, nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị M vẫn vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt chị M, còn anh Q vẫn giữ nguyên quan điểm của mình là được ly hôn với chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của anh Trịnh Văn Q, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã đến tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị Lê Thị M biết việc anh Trịnh Văn Q xin ly hôn chị. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị M vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 21/3/2018, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, chị M vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Như vậy, việc chị M không đến Tòa án để giải quyết vụ án là trường hợp cố tình trốn tránh, nên theo quy định khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt chị M.

[2] Về hôn nhân: Anh Trịnh Văn Q và chị Lê Thị M kết hôn ngày 26/3/2013, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không được. HĐXX thấy cuộc hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho anh Q được ly hôn chị M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung và tài sản: Anh Q không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[4] Về án phí: Anh Trịnh Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trịnh Văn Q, cho anh Trịnh Văn Q được ly hôn chị Lê Thị M.

Về án phí: Anh Trịnh Văn Q phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà anh Q đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0002641 ngày 12/12/2017 của Chi cục THADS huyện Nga Sơn; anh Q đã nộp đủ tiền án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Q, vắng mặt chị M. Anh Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã M, huyện Th;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Văn Tuyển